TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS - PT
Ngày 17/12/2021
V/v: Y/c tuyên bố HĐ vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Thị Hồng Hoa

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Ông Nguyễn Quang Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Anh -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17/12/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLPT- DS ngày 09/11/2021 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với bản án dân sự sơ thẩm số 01 ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐ - PT ngày 23/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Bùi Văn Nh**, sinh năm 1953; Địa chỉ: Xóm Mường Ch, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

* *Đại diện theo ủy quyền*: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm Mường Kh, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Ông Lỗ Hữu Thạch, Luật sư Văn phòng luật sư Lỗ Hữu Thạch, Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Ông **Phạm Huy N**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu Chiềng Kh thị trấn Mãn Đức, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Xóm Mường Ch, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1976, ông Bùi Văn D, sinh năm 1972 ; Địa chỉ: Mường Kh, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

3. Bà Bùi Thị Nh, sinh năm 1981, ông Bùi Văn C, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm Tân Ph, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

4. Ông Bùi Đình Nh1, sinh năm 1983 ; Địa chỉ: Xóm Mường Ch, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình.

5. Ủy ban nhân nhân xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình. Đại diện: Ông Cao Bá Ch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Nh và đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị Th trình bày: Ngày 25/01/1996 ông và vợ là Bùi Thị T nhận chuyển nhượng 338m^2 đất của ông Hà Văn K tại xóm B, xã Địch G (Nay là xóm Tân Ph, xã Phong P), huyện Tân L. Ngày 05/6/2001 được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất, mang tên hộ ông Bùi Văn Nh. Tháng 4/2006 ông bà chuyển nhượng 104m^2 đất (4m rộng, dài 26m) cho vợ chồng em dâu là Bùi Thị Th, Bùi Văn D, giá trị 40.000.000đ. Cùng tháng 4/2006, bà Thìn, ông Dền đã làm nhà hai tầng kiên cố trên đất nhưng chưa tách bìa theo quy định của pháp luật.

Năm 2007, vợ chồng con gái của ông bà là Bùi Thị Nh và Bùi Văn C vay của ông Phạm Huy N 50.000.000đ; Năm 2008 tiếp tục vay 85.000.000đ để làm ăn. Hợp đồng vay mượn các bên lập chỉ có ông N giữ, còn các con ông Nh chỉ ký xác nhận, không được giữ hợp đồng. Năm 2009, do các con chưa có tiền trả ông N, ông N đến nhà đòi vợ chồng ông Nh, Tình nhiều lần. Vì thương con, ông Nh đã ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với toàn bộ 338m^2 đất ở xóm B, xã Địch G, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình cho ông N. Hợp đồng do ông N soạn sẵn, không có sự đồng ý của bà Tình và anh Nhất, chị Nhiện; Bà Thìn, ông Dền cũng không hề hay biết. Ông N sau đó tự ý đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được cấp GCNQSDĐ khi nào ông không biết. Nay đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và Phạm Huy N.

Bị đơn ông Phạm Huy N trình bày: Năm 2009, ông Bùi Văn Nh chuyển nhượng 338m^2 đất ông với giá 180.000.000đ. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, không bị ép buộc, không dựa trên quan hệ vay mượn tiền. Vợ con ông Nh, vợ chồng ông Dền, bà Thìn đều biết. Ông Nh còn ủy quyền cho anh Cửu toàn quyền định đoạt thửa đất và anh Cửu đã chuyển nhượng cho ông, đã nhận tiền đầy đủ; Vợ chồng Dền, Thìn do làm ăn thua lỗ cũng viết giấy bán nhà. Sau khi bán nhà, chị Thìn đã bỏ đi nước ngoài không về, năm 2016 ông Dền đã tự giao nhà đất cho ông N sử dụng. Khi làm thủ tục sang tên chuyển chủ thì do cán bộ Ủy ban xã và huyện hướng dẫn. Đề nghị Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị T, anh Bùi Đình Nh1: Thống nhất như trình bày của ông Nh.

Vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Bùi Thị Nh: Chúng tôi là con rể và con gái của ông Nh, và bà Tình. Năm 2007 chúng tôi có vay của ông Phạm Huy N 50.000.000đ để làm ăn. Đến năm 2008 vẫn trả lãi và gốc đầy đủ nhưng sau đó do làm ăn thua lỗ, nên chưa trả nợ. Ông N có gợi ý cho chúng tôi vay thêm tiền

nhưng phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố vợ tôi là ông Bùi Văn Nh. Chúng tôi về bàn bạc với bố mẹ, được sự đồng ý thì chúng tôi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nam giữ, mục đích làm tin và được anh Nam cho vay thêm 85.000.000đ. Đến năm 2009, chúng tôi không trả được nợ, anh Nam đến nhà bố vợ tôi yêu cầu bố tôi sang tên thửa đất mang tên ông Nh cho anh Nam. Việc chuyển nhượng này chúng tôi không biết. Sau đó anh Nam tự ý đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Nay đề nghị Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó.

Bùi Thị Th khai: Tháng 4/2006, ông Nh và bà Tình chuyển nhượng cho vợ chồng tôi 104m^2 đất, giá 40.000.000đ. Tôi đã trả tiền đầy đủ, sau đó xây dựng nhà hai tầng trên đất, nhưng chưa làm thủ tục tách bìa. Chúng tôi vẫn sống trên đất từ đó đến nay, đến khoảng cuối năm 2019, ông Phạm Huy N thông báo rằng: toàn bộ thửa đất của vợ chồng tôi (Nằm trong 338m^2 đất của ông bà Nhứ - Tình) đã bán cho ông N, do các con của ông bà Nhứ vay tiền của ông N không trả được. Ông Nh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông N không có sự đồng ý của vợ chồng chúng tôi nên hợp đồng đó vô hiệu. Trong hợp đồng chuyển nhượng ghi: "Tài sản trên đất: Không" là trái sự thật. Trên đất có căn nhà 2 tầng của vợ chồng chúng tôi. Nay đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nh và ông N vô hiệu, làm căn cứ hủy GCNQSDĐ của ông N, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

- *Ông Bùi Văn D:* Tôi đồng ý với lời trình bày của vợ là Bùi Thị Th.

- *Đại diện UBND xã Phong P (Đơn vị tiếp quản phần việc của UBND xã Địch G):* Hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nh và ông N chưa đảm bảo tính pháp lý. Do không thể hiện được sự ủy quyền của gia đình cho ông Nh thực hiện việc chuyển nhượng. Trong hợp đồng không thể hiện có nhà trên đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả định ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá kết luận: Giá trị còn lại của nhà, vật kiến trúc là 317.036.459đ. Giá trị của đất là 2.301.984.000đ.

Chi phí thẩm định, định giá: Bà Bùi Thị Th đã ứng chi cho hội đồng 10.000.000 đ.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân L đã xử: Áp dụng các điều 117, 122, 131 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật TTDS; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn Nh và ông Phạm Huy N vô hiệu.

Buộc hộ ông Bùi Văn Nh với đại diện theo ủy quyền Bùi Văn C có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận của ông Phạm Huy N là 180.000.000đ, phải bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Huy N 1.485.388.800đ. Tổng 1.665.388.800đ. Khi hộ ông Bùi Văn Nh hoàn trả đủ số tiền trên ông Phạm Huy N có nghĩa vụ trả lại

hộ ông Bùi Văn Nh giấy tờ nhà đất và làm thủ tục chuyển trả quyền sở hữu cho hộ ông Bùi Văn Nh theo quy định của pháp luật.

Buộc vợ chồng Bùi Thị Th, Bùi Văn D có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận của ông Phạm Huy N là 185.000.000đ, phải bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Huy N 317.036.459đ. Tổng 502.036.459đ. Khi vợ chồng Thìn Dền hoàn trả đủ số tiền trên ông Phạm Huy N có nghĩa vụ trả lại vợ chồng Thìn Dền giấy tờ nhà đất và làm thủ tục chuyển trả quyền sở hữu cho vợ chồng Thìn, Dền theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Huy N tự nguyện chịu 10.000.000 đ chi phí thẩm định, định giá trả cho bà Bùi Thị Th đã ứng trước.

2. Hộ ông Bùi Văn Nh phải chịu 61.961.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; Được trừ 3.370.000đ tạm ứng án phí đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân L, theo biên lai ký hiệu AA/2017 số 0001702 ngày 02/7/2020. Nay phải nộp thêm 58.591.000đ. Vợ chồng Bùi Thị Th, Bùi Văn D phải chịu 24.081.459đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Huy N phải chịu 29.463.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

* Ngày 08/10/2021 ông Bùi Văn Nh kháng cáo: Đề nghị xem xét lại giá đất, giá 6.800.000đ/m^2 là quá cao, không phù hợp với quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về khung giá đất; Bản án sơ thẩm xử tăng thêm 11,2m^2 đất ngoài diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là không đúng; Xác định lỗi của ông N 30% là không đúng, phải là 50%; Xác định lại hợp đồng mua bán nhà giữa bà Bùi Thị Th và ông Phạm Huy N. Việc buộc bà Thìn phải bồi thường cho ông N 502.036.459đ là không đúng.

Ngày 24/11/2021 ông Nh có đơn bổ sung đơn kháng cáo. Đề nghị tách vụ án thành ba việc khác nhau; buộc ông N phải trả đất cho ông vô điều kiện; Đề nghị xem xét lỗi của UBND xã trong vụ việc.

Ngày 12/10/2021 ông kháng cáo đề nghị xem xét lại lỗi của ông bà Nhứ, Tình là 100% và phải bồi thường cho ông toàn bộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau. Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận đó.

Đại diện VKSND tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định tại nghị quyết 326 của UBTVQH; ông Bùi Văn Nh và bà Bùi Thị T có đơn xin miễm án phí, là đối tượng được miễn án phí, đề nghị HĐXX miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã Phong P, huyện Tân L vô hiệu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân L.

Ngày 29/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Tân L xét xử sơ thẩm; Ngày 08/11/2021 nguyên đơn kháng cáo; ngày 12/11/2021 bị đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của các đương sự trong thời hạn luật định, được chấp nhận.

2. Nội dung:

Nguyên đơn ông Bùi Văn Nh và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đứng về phía nguyên đơn gồm vợ ông Nh là bà Bùi Thị T, các con là chị Bùi Thị Nh, anh Bùi Văn Nhất, anh Bùi Văn C, vợ chồng em ông Nh là Bùi Thị Th và Bùi Văn D đều thống nhất quan điểm đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 338m^2 đất tại xóm Tân Phú, xã Phong P, huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình giữa ông Bùi Văn Nh và ông Phạm Huy N được ký kết ngày 16/02/2009 vô hiệu. Lý do là khi ông Nh ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất trên vợ, các con ông Nh và chị Thìn, anh Dền là người có ngôi nhà 2 tầng trên đất không biết, không được ký vào hợp đồng. Phía bị đơn, ông N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Nh và ông N ngày 16/02/2009, nội dung: Ông Bùi Văn Nh chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đối với 338m^2 đất cho ông Phạm Huy N. Hợp đồng chỉ có ông Nh ký là không đúng vì đây là tài sản chung của hộ gia đình ông Nh. Ngoài ông Nh còn có vợ và hai con đều đã trưởng thành. Trên đất còn có ngôi nhà hai tầng của vợ chồng chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn D nhưng trong hợp đồng không đề cập đến. Phần chứng thực của UBND xã Địch G ghi là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất là không đúng. Như vậy, hợp đồng trên không tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, không đúng về nội dung tài sản chuyển nhượng do đó không phát sinh hiệu lực. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên đương sự đều kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Cụ thể:

Thống nhất xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nh và ông N được ký kết ngày 16/02/2009 về việc chuyển nhượng 338m^2 đất tại xóm B, xã Địch G (nay là xóm Tân Phú, xã Phong P) huyện Tân L vô hiệu. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Về đất: Tính lỗi 60 – 40 %. Tổng giá trị đất là 2.301.984.000đ, trừ 180.000.000đ ông N nhận từ chị Nhiện, anh Cửu, còn 2.121.984.000đ x 60%=

1.273.190.400đ. Ông Bùi Văn Nh, bà Bùi Thị T, anh Bùi Văn Nhất, chị Bùi Thị Nh, anh Bùi Văn C, anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị Th tự nguyện bồi thường cho ông Phạm Huy N 1.453.190.400đ (trong đó có 180 triệu đồng đã nhận). Mỗi người 207.700.000đ.

Về nhà: Ông Phạm Huy N tự nguyện trả nhà cho chị Thìn, anh Dền. Anh Dền, chị Thìn tự nguyện thanh toán cho ông N 300.000.000đ (trong đó có 185.000.000đ đã nhận). Mỗi người 150.000.000đ.

Xét, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 300 BLTTDS Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí:

Các đương sự đã tự thỏa thuận về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, do đó án phí sơ thẩm được tính lại theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Ông Nh, bà Tình, chị Nhiện, anh Cửu, anh Nhất, chị Thìn, anh Dền phải chịu án phí trên tổng số tiền phải bồi thường về đất cho ông N (1.453.190.400đ), mỗi người phải chịu 7.942.000đ án phí dân sự.

Ông Nh, bà Tình là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, có xác nhận của UBND xã Phong P, huyện Tân L, HĐXX chấp nhận, miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Tình, ông Nh. Ông Nh được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.370.000đ đã nộp.

Anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị Th phải chịu án phí trên tổng số tiền nhà phải thanh toán cho ông N (300.000.000đ) là 15.000.000đ tiền án phí. Mỗi người phải chịu 7.500.000đ.

Ông Phạm Huy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Huy N phải chịu án phí phúc thẩm, được đối trừ vào dự phí kháng cáo đã nộp. Ông Bùi Văn Nh phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Nh là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định. Được hoàn lại số tiền đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Huy N tự nguyện chịu 10.000.000đ tiền chi phí tố tụng thẩm định, định giá.

Bản án sơ thẩm đã căn cứ các điều 117; 122; 131 của bộ luật dân sự 2015 để giải quyết về hợp đồng được ký kết từ 16/2/2009 là áp dụng chưa đúng pháp luật, cần sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật cho đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 313 BLTTDS;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân L, cụ thể:

Căn cứ Điều 121, 127, 137 Bộ luật dân sự 2005; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Nh.

1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Văn Nh và ông Phạm Huy N được ký kết ngày 16/02/2009 về việc chuyển nhượng diện tích 338m^2 đất tại xóm B, xã Địch G (nay là xóm Tân Ph, xã Phong P), huyện Tân L, tỉnh Hòa Bình vô hiệu.

Ông Bùi Văn Nh, bà Bùi Thị T, anh Bùi Văn Nhất, chị Bùi Thị Nh, anh Bùi Văn C, anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị Th tự nguyện bồi thường về đất cho ông Phạm Huy N 1.453.190.400đ (Trong đó có 180.000.000đ đã nhận). Mỗi người 207.700.000đ. Khi trả đủ số tiền trên ông Phạm Huy N có nghĩa vụ trả lại hộ ông Nh, anh Dền, chị Thìn giấy tờ đất và làm thủ tục chuyển trả đất cho hộ ông Nh theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị Th tự nguyện thanh toán cho ông N 300.000.000đ tiền nhà (trong đó có 185.000.000đ đã nhận). Mỗi người 150.000.000đ. Khi thanh toán đủ số tiền trên ông Phạm Huy N có nghĩa vụ chuyển trả quyền sở hữu nhà cho anh Dền, chị Thìn theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí dân sự: Ông Nh, bà Tình, chị Nhiện, anh Cửu, anh Nhất, chị Thìn, anh Dền mỗi người phải chịu 7.942.000đ án phí dân sự (đối với khoản phải thanh toán bồi thường về đất). Ông Nh, bà Tình là người cao tuổi, được miễn toàn bộ án phí dân sự và án phí phúc thẩm .

Ông Nh được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 3.370.000đ theo biên lai số 0001702 ngày 02/7/2020 và 300.000đ dự phí kháng cáo theo biên lai thu số 0003058 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân L.

Anh Bùi Văn D, chị Bùi Thị Th phải chịu 15.000.000đ tiền án phí (đối với khoản phải thanh toán về nhà). Mỗi người phải chịu 7.500.000đ.

Tổng số tiền án phí chị Bùi Thị T phải nộp là 15.342.000đ. Tổng số tiền án phí anh Bùi Văn D phải nộp là 15.342.000đ.

Ông Phạm Huy N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ dự phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0003059 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân L.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Huy N tự nguyện chịu 10.000.000đ tiền chi phí tố tụng thẩm định, định giá. Chị Thìn đã ứng chi. Ông N tự nguyện hoàn trả chị Thìn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thanh toán không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hoà Bình
- TAND huyện Tân L
- THA huyện Tân L
- Các Đương Sự
- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bạch Thị Hồng Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Dụ Nguyễn Quang Tuấn	**Bạch Thị Hồng Hoa**